

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1245/2025/DS-PT
Ngày: 22-09-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 22 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 763/2025/TLPT-DS ngày 05/8/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4868/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã Thanh An, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 04/7/2023); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Hồng H (tên gọi khác là P), sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã D, Thành phố

Hồ Chí Minh), là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 16/06/2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Kim N1, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Phạm Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Văn T trình bày:

Giữa bà N với Ông Phạm Hồng H (tên gọi khác là P) có quan hệ mua bán cám thức ăn chăn nuôi. Bà N là người bán, ông P là người mua.

Quá trình mua bán giữa bà N với trại nuôi vịt của ông P như sau:

Ngày 08/12/2018 trại ông P lấy 50 bao cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 50×259.000 đồng = 12.950.000 đồng. Lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50×242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.950.000 đồng + 12.100.000 đồng = 25.050.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 15/12/2018 trại ông P lấy 15 bao cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 15×259.000 đồng = 3.885.000 đồng. Lấy 45 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 45×242.000 đồng = 10.890.000 đồng. Tổng ghi nợ là 3.885.000 đồng + 10.890.000 đồng = 14.775.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 19/12/2018 trại ông P lấy 60 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 60×242.000 đồng = 14.520.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.520.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 22/12/2018 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 28/12/2018 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 02/01/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

Ngày 05/01/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 10/01/2019 trại ông P lấy 200 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 200×242.000 đồng = 48.400.000 đồng. Tổng ghi nợ là 48.400.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 12/01/2019 trại ông P lấy 75 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 75 x 242.000 đồng = 18.150.000 đồng. Tổng ghi nợ là 18.150.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

** Từ ngày 08/12/2018 đến ngày 12/01/2019 ông P nợ bà N tiền cám cho vệt của trại ông P ăn tổng là 217.069.000 đồng.*

Ngày 31/01/2019 ông P trả bà N 159.276.000 đồng (tiền mặt).

217.069.000 đồng – 159.276.000 đồng = 57.793.000 đồng (nợ).

Ngày 02/02/2019 trại ông P lấy 50 bao cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 259.000 đồng = 12.950.000 đồng. Lấy 170 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 170 x 242.000 đồng = 41.140.000 đồng.

Tổng ghi nợ là 12.950.000 đồng + 41.140.000 đồng = 54.090.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 28/03/2019 trại ông P lấy 130 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 130 x 242.000 đồng = 31.460.000 đồng. lấy 100 bao cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 100 x 259.000 đồng = 25.900.000 đồng. Tổng ghi nợ là 57.360.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 11/04/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100 x 242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 18/04/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100 x 242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 25/04/2019 trại ông P lấy 160 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 160 x 242.000 đồng = 36.720.000 đồng. Tổng ghi nợ là 36.720.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 06/05/2019 trại ông P lấy 41 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 41 x 242.000 đồng = 9.922.000 đồng. Tổng ghi nợ là 9.922.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

** Từ ngày 02/2/2019 đến ngày 06/05/2019 ông P nợ bà N tiền cám cho vệt của trại ông P ăn tổng là 206.492.000 đồng.*

- Hỗ trợ 5000 đồng/bao x 640 bao cám = 3.200.000 đồng. Do vậy lấy 206.492.000 đồng - 3.200.000 đồng = 203.292.000 đồng, cộng nợ cũ 57.793.000 đồng thì tổng nợ là 261.085.000 đồng.

- Ngày 05/2019 ông P trả bà N 112.000.000 đồng.

261.085.000 đồng - 112.000.000 đồng = 149.085.000 đồng (Nợ).

Ngày 12/08/2019 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.100.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 03/09/2019 trại ông P lấy 30 cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 30×259.000 đồng = 7.770.000 đồng. Lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50×242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng là 7.770.000 đồng + 12.100.000 đồng = 19.870.000 đồng. Tổng ghi nợ là 19.870.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 10/9/2019 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50×242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.100.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 19/09/2019 trại ông P lấy 70 cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 70×259.000 đồng = 18.130.000 đồng. Lấy 80 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 80×242.000 đồng = 19.360.000 đồng. Tổng là 18.130.000 đồng + 19.360.000 đồng = 37.490.000 đồng. Tổng ghi nợ là 37.490.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 28/09/2019 trại ông P lấy 40 cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 40×259.000 đồng = 10.360.000 đồng. Lấy 160 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 160×242.000 đồng = 38.720.000 đồng. Tổng là 10.360.000 đồng + 38.720.000 đồng = 49.080.000 đồng. Tổng ghi nợ là 49.080.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 7/10/2019 trại ông P lấy 73 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 73×242.000 đồng = 17.666.000 đồng. Tổng ghi nợ là 17.666.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 12/10/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 19/10/2019 trại ông P lấy 80 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 80×242.000 đồng = 19.360.000 đồng. Tổng ghi nợ là 19.360.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 22/10/2019 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 100×242.000 đồng = 24.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.200.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 29/10/2019 trại ông P lấy 10 cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 10×259.000 đồng = 2.590.000 đồng. Lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50×242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng là 2.590.000 đồng + 12.100.000 đồng = 14.690.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.690.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 31/10/2019 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 50×242.000 đồng = 12.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.100.000 đồng do ông Phạm Văn P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 06/11/2019 trại ông P lấy 20 cám 4102 giá là 259.000 đồng/bao. Tổng giá 20×259.000 đồng = 5.180.000 đồng. Lấy 30 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 30×242.000 đồng = 7.260.000 đồng. Tổng là 5.180.000 đồng +

7.260.000 đồng = 12.440.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.440.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 11/11/2019 trại ông P lấy 40 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 242.000 đồng = 9.680.000 đồng. Tổng ghi nợ là 9.680.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 16/11/2019 trại ông P lấy 40 bao cám 4202 giá là 242.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 242.000 đồng = 9.680.000 đồng. Tổng ghi nợ là 9.680.000 đồng do bà Phạm Kim N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

** Từ ngày 12/8/2019 đến ngày 16/11/2019 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 274.656.000 đồng cộng nợ cũ 149.085.000 đồng tổng nợ là 423.741.000 đồng.*

- Tháng 9/2019 ông P trả 50.000.000 đồng;

- Tháng 11/2019 trả 125.000.000 đồng;

Tổng trả đến ngày 16/11/2019 là 175.000.000 đồng.

423.741.000 đồng - 175.000.000 đồng = 248.741.000 đồng (còn nợ)

Ngày 23/11/2019 trại ông P lấy 30 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 235.000 đồng = 7.050.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.050.000 đồng do bà N1 ký nhận dưới tên ông H (P) ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 30/11/2019 trại ông P lấy 30 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 251.000 đồng = 7.530.000 đồng. Lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng là 7.530.000 đồng + 11.750.000 đồng = 19.280.000 đồng. Tổng ghi nợ là 19.280.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 16/12/2019 trại ông P lấy 10 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 10 x 251.000 đồng = 2.510.000 đồng. Tổng ghi nợ là 2.510.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào sổ giao cám.

Ngày 30/12/2019 trại ông P lấy 79 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 75 x 235.000 đồng = 18.565.000 đồng. Tổng ghi nợ là 18.565.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 04/01/2020 trại ông P lấy 130 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 130 x 235.000 đồng = 30.550.000 đồng. Tổng ghi nợ là 30.550.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 11/01/2020 trại ông P lấy 70 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 70 x 235.000 đồng = 16.450.000 đồng. Tổng ghi nợ là 16.450.000 đồng do bà N1 ký nhận dưới tên ông P vào sổ giao nhận cám.

Ngày 17/01/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.750.000 đồng do bà N1 ký nhận dưới tên ông P vào sổ giao nhận cám.

Ngày 22/01/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Mượn 12 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 12 x 235.000 đồng = 2.820.000 đồng. Tổng là 11.750.000 đồng + 2.820.000 đồng = 14.570.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.570.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 30/01/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 235.000 đồng = 7.050.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.050.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 23/11/2019 đến ngày 30/01/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 127.755.000 đồng cộng nợ cũ 248.741.000 đồng tổng nợ là 376.496.000 đồng.*

- Tháng 12/2019 ông P trả 25.000.000 đồng;

- Tháng 01/2020 trả 50.000.000 đồng.

Tổng ông P trả được 75.000.000 đồng.

376.496.000 đồng - 75.000.000 đồng = 301.496.000 đồng (còn nợ).

Ngày 1/02/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 251.000 đồng = 7.530.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.530.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 05/02/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 251.000 đồng = 5.020.000 đồng. Tổng ghi nợ là 5.020.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 08/02/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 251.000 đồng = 7.530.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.530.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 11/02/2020 trại ông P lấy 40 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 251.000 đồng = 10.040.000 đồng. Tổng ghi nợ là 10.040.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 14/02/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 251.000 đồng = 12.550.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.550.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 15/02/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 251.000 đồng = 12.550.000 đồng, do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám và lấy 30 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao, tổng giá 30 x 251.000 đồng = 7.530.000 đồng, do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám. Tổng ghi nợ là 20.080.000 đồng.

Ngày 19/02/2020 trại ông P lấy 70 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 70 x 235.000 đồng = 16.450.000 đồng. Tổng ghi nợ là 16.450.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 24/02/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.750.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 28/02/2020 trại ông P lấy 80 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 80 x 235.000 đồng = 18.800.000 đồng. Tổng ghi nợ là 18.800.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 03/03/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 235.000 đồng = 7.050.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.050.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 05/03/2020 trại ông P lấy 60 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 60 x 235.000 đồng = 14.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.100.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 07/03/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.750.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 10/03/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.750.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 12/03/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 235.000 đồng = 11.750.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.750.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 14/03/2020 trại ông P lấy 80 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 80 x 235.000 đồng = 18.800.000 đồng. Tổng ghi nợ là 18.800.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 18/03/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 235.000 đồng = 4.700.000 đồng. Tổng ghi nợ là 4.700.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 20/03/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 251.000 đồng = 5.020.000 đồng và lấy 70 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao, tổng giá 70 x 235.000 đồng = 16.450.000 đồng, tất cả do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám. Tổng ghi nợ là 21.470.000 đồng.

Ngày 21/03/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 235.000 đồng = 7.050.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.050.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 23/03/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 235.000 đồng = 4.700.000 đồng. Tổng ghi nợ là 4.700.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 25/03/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 100 x 235.000 đồng = 23.500.000 đồng. Tổng ghi nợ là 23.500.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 31/03/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 100×235.000 đồng = 23.500.000 đồng. Tổng ghi nợ là 23.500.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 01/04/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 100×235.000 đồng = 23.500.000 đồng. Tổng ghi nợ là 23.500.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 13/04/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 50×251.000 đồng = 12.550.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.550.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 17/04/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 100×235.000 đồng = 23.500.000 đồng. Tổng ghi nợ là 23.500.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 28/04/2020 trại ông P lấy 210 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 210×235.000 đồng = 49.350.000 đồng. lấy 50 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 50×251.000 đồng = 12.550.000 đồng. Tổng ghi nợ là 61.900.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 19/05/2020 trại ông P lấy 260 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 260×235.000 đồng = 61.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 61.100.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 1/02/2020 đến ngày 19/05/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 428.920.000 đồng cộng nợ cũ là 301.496.000 đồng tổng nợ là 730.416.000 đồng.*

- Tháng 02/2020 ông P trả 30.000.000 đồng;
- Tháng 3/ 2020 không trả;
- Tháng 4 trả 50.000.000 đồng;
- Tháng 05/2020 trả 30.000.000 đồng;

Tổng ông P trả được 110.000.000 đồng.

$730.416.000$ đồng - $110.000.000$ đồng = $620.416.000$ đồng (nợ).

Ngày 03/06/2020 trại ông P lấy 70 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 70×235.000 đồng = 16.450.000 đồng. Tổng ghi nợ là 16.450.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 08/06/2020 trại ông P lấy 71 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 71×235.000 đồng = 16.685.000 đồng. Tổng ghi nợ là 16.685.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 11/06/2020 trại ông P lấy 80 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 80×235.000 đồng = 18.800.000 đồng. Tổng ghi nợ là 18.800.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào sổ giao nhận cám.

Ngày 18/06/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 20×251.000 đồng = 5.020.000 đồng và lấy 40 bao cám 4212 giá là 235.000

đồng/bao. Tổng giá 40×235.000 đồng = 9.400.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.420.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 20/06/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 100×235.000 đồng = 23.500.000 đồng. Tổng ghi nợ là 23.500.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 27/06/2020 trại ông P lấy 15 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 15×251.000 đồng = 3.765.000 đồng và lấy 40 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 40×235.000 đồng = 9.400.000 đồng. Tổng ghi nợ là 13.165.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 30/06/2020 và 1/7/2020 trại ông P lấy 15 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 15×251.000 đồng = 3.765.000 đồng và lấy 60 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 60×235.000 đồng = 14.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 17.865.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 03/06/2020 đến ngày 30/06/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 120.885.000 đồng cộng nợ cũ là 620.416.000 đồng tổng nợ là 741.301.000 đồng.*

- Tháng 06/2020 ông P trả 50.000.000 đồng;

Tổng đến ngày 30/06/2020 ông P trả được 50.000.000 đồng;

$741.301.000$ đồng - $50.000.000$ đồng = $691.301.000$ đồng (nợ).

Ngày 9/07/2020 trại ông P lấy 60 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 60×235.000 đồng = 14.100.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.100.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 15/07/2020 trại ông P lấy 10 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 10×251.000 đồng = 2.510.000 đồng và lấy 47 bao cám 4212 giá là 235.000 đồng/bao. Tổng giá 47×235.000 đồng = 11.045.000 đồng. Tổng ghi nợ là 13.555.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám

Ngày 20/07/2020 trại ông P lấy 10 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 10×264.000 đồng = 2.640.000 đồng và lấy 40 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 40×247.000 đồng = 9.880.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.520.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 27/07/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 30×264.000 đồng = 7.920.000 đồng và lấy 50 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50×247.000 đồng = 12.350.000 đồng. Tổng ghi nợ là 20.270.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám

Ngày 31/07/2020 trại ông P lấy 50 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50×247.000 đồng = 12.350.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.350.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 01/07/2020 đến ngày 31/07/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 72.795.000 đồng cộng nợ cũ 691.301.000 đồng tổng nợ là 771.096.000 đồng.*

Tổng đến tháng 07/2020 ông P trả được 170.000.000 đồng.

771.096000 đồng - 170.000.000 đồng = 594.096.000 đồng (nợ).

Ngày 4/08/2020 trại ông P lấy 01 bao cám 2101 giá 280.000 đồng/bao. Tổng giá 01 x 280.000 đồng = 280.000 đồng, lấy 04 bao 2802 giá 265.000 đồng/bao. Tổng giá 04 x 265.000 đồng = 1.060.000 đồng và lấy 50 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 264.000 đồng = 13.200.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.540.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 12/08/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 264.000 đồng = 7.920.000 đồng và lấy 50 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 247.000 đồng = 12.350.000 đồng Tổng ghi nợ là 20.270.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 14/08/2020 trại ông P lấy 70 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 70 x 247.000 đồng = 17.290.000 đồng. Tổng ghi nợ là 17.290.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 19/08/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 264.000 đồng = 5.280.000 đồng và lấy 40 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 247.000 đồng = 9.880.000 đồng. Tổng ghi nợ là 5.280.000 đồng + 9.880.000 đồng = 15.160.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 21/08/2020 trại ông P lấy 40 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 247.000 đồng = 9.880.000 đồng. Tổng ghi nợ là 9.880.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 22/08/2020 trại ông P lấy 60 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 60 x 247.000 đồng = 14.820.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.820.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 24/08/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4112 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 251.000 đồng = 7.530.000 đồng và lấy 30 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 247.000 đồng = 7.410.000 đồng. Tổng ghi nợ là 14.940.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 28/08/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 264.000 đồng = 5.280.000 đồng và lấy 60 bao 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 60 x 247.000 đồng = 14.820.000 đồng Tổng ghi nợ là 20.100.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 04/08/2020 đến ngày 30/08/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 129.470.000 đồng cộng nợ cũ 594.096.000 đồng tổng nợ là 723.566.000 đồng.*

- Tháng 8/2020 không trả còn nợ tổng đến ngày 30/8/2020 là 723.566.000 đồng.

Ngày 01/09/2020 trại ông P lấy 47 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 47 x 247.000 đồng = 11.609.000 đồng. Tổng ghi nợ là 11.609.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 03/09/2020 trại ông P lấy 80 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 80 x 247.000 đồng = 19.760.000 đồng. Tổng ghi nợ là 19.760.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 7/09/2020 trại ông P lấy 40 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 40 x 247.000 đồng = 9.880.000 đồng. Tổng ghi nợ là 9.880.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 10/09/2020 trại ông P lấy 80 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 80 x 247.000 đồng = 19.760.000 đồng. Tổng ghi nợ là 19.760.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 12/09/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 247.000 đồng = 12.350.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.350.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 14/09/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 100 x 247.000 đồng = 24.700.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.700.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 18/09/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 247.000 đồng = 12.350.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.350.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 21/09/2020 trại ông P lấy 120 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 120 x 247.000 đồng = 29.640.000 đồng. Tổng ghi nợ là 29.640.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 25/09/2020 trại ông P lấy 90 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao và lấy 10 bao cám 4102 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 90 x 247.000 đồng = 22.230.000 đồng và 10 x 251.000 đồng = 2.510.000 đồng. Tổng ghi nợ là 24.740.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 29/09/2020 trại ông P lấy 100 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao nhưng trả lại 30 bao và lấy 20 bao cám 4102 giá là 251.000 đồng/bao. Tổng giá 70 x 247.000 đồng = 17.290.000 đồng và 20 x 251.000 đồng = 5.020.000 đồng. Tổng ghi nợ là 22.310.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 01/09/2020 đến ngày 30/09/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 187.099.000 đồng cộng nợ cũ 723.566.000 đồng, tổng nợ là 910.665.000 đồng.*

- Tháng 9/2020 trả được 60.000.000 đồng;

910.665.000 đồng - 60.000.000 đồng = 850.665.000 đồng (nợ).

Ngày 06/10/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 247.000 đồng = 12.350.000 đồng. Tổng ghi nợ là 12.350.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 10/10/2020 trại ông P lấy 50 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 50 x 247.000 đồng = 12.350.000 đồng. lấy 30 bao cám 4102 giá là 264.000

đồng/bao. Tổng giá 30 x 264.000 đồng = 9.920.000 đồng. Tổng ghi nợ là 20.270.000 đồng do ông P ký nhận nợ vào giao nhận cám.

Ngày 27/10/2020 trại ông P lấy 30 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 30 x 247.000 đồng = 7.410.000 đồng. lấy 10 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 10 x 264.000 đồng = 2.640.000 đồng. Tổng ghi nợ là 10.050.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 6/10/2020 đến ngày 30/10/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 42.670.000 đồng cộng nợ cũ 850.665.000 đồng tổng nợ là 893.335.000 đồng.*

- Tháng 10/2020 trả được 130.000.000 đồng;

893.335.000 đồng - 130.000.000 đồng = 763.355.000 đồng (nợ);

Ngày 14/11/2020 trại ông P lấy 20 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 20 x 247.000 đồng = 4.940.000 đồng. lấy 10 bao cám 4102 giá là 264.000 đồng/bao. Tổng giá 10 x 264.000 đồng = 2.640.000 đồng. Tổng ghi nợ là 7.580.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám

Ngày 25/11/2020 trại ông P lấy 70 bao cám 4202 giá là 247.000 đồng/bao. Tổng giá 70 x 247.000 đồng = 17.290.000 đồng. Tổng ghi nợ là 17.290.000 đồng do bà N1 ký nhận nợ vào giao nhận cám.

** Từ ngày 14/11/2020 đến ngày 25/11/2020 ông P nợ bà N tiền cám cho vịt của trại ông P ăn tổng là 24.870.000 đồng cộng nợ cũ 763.355.000 đồng tổng nợ là 788.225.000 đồng.*

- Tháng 11/2020 trả được 65.000.000 đồng.

788.225.000 đồng - 65.000.000 đồng = 723.225.000 đồng (nợ).

- Ngày 30/11/2020 tổng số ông P nợ là 723.225.000 đồng.

- Ngày 3/12/2020 trả 45.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2021 trả 15.000.000 đồng.

- Ngày 01/02/2021 trả 20.000.000 đồng.

- Ngày 09/2021 trả 10.000.000 đồng.

- Ngày 20/2/2021 trả 20.000.000 đồng.

- Ngày 29/4/2021 trả 15.000.000 đồng.

** Tổng trả từ tháng 12/2020 đến tháng 4/2021 là 125.000.000 đồng.*

Tổng nợ thiếu là 723.225.000 đồng - 125.000.000 đồng = 598.225.000 đồng (nợ).

Trừ 81.240.000 đồng thâm định không ra nên còn 516.985.000 đồng và trừ 7.000.000 đồng tiền chiết khấu cám còn 509.985.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông H trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 512.923.000 đồng (Năm trăm mười hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện bổ sung, bà N yêu cầu ông H trả thêm số tiền lãi chậm trả tiền mua thức ăn chăn nuôi từ ngày 28/4/2023 đến ngày 29/01/2024 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tại phiên họp và tại phiên tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H trả số tiền cám là 509.985.000 đồng. Đối với số tiền còn lại và số tiền lãi nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Đối với ý kiến của phía bị đơn đưa ra thì nguyên đơn không đồng ý. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện bị đơn (Ông Lê Văn L) trình bày:

Trong thời gian ông H lấy cám từ chỗ bà N, ông H đã trả đủ số tiền cám cho bà N và không còn nợ bà N bất cứ số tiền nào. Cụ thể như sau:

1. Ngày 08/12/2018 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao. Tổng số tiền là: 12.950.000 đồng và nhờ bà N1 ký nhận giùm, bà N1 có ký tên xác nhận số cám trên.

2. Ngày 15/12/2018 ông H có mua của bà N 15 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao. Tổng số tiền là: 3.259.000 đồng và nhờ bà N1 ký nhận giùm, bà N1 có ký tên xác nhận số cám trên.

3. Ngày 19/12/2018 ông H có mua của bà N 60 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 14.520.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

4. Ngày 22/12/2018 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

5. Ngày 28/12/2018 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

6. Ngày 05/01/2018 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

7. Ngày 10/01/2018 ông H có mua của bà N 200 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 48.400.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

8. Ngày 12/01/2018 ông H có mua của bà N 75 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 18.150.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

9. Ngày 11/04/2019 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

10. Ngày 18/04/2019 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do bà N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

11. Ngày 25/04/2019 ông H có mua của bà N 160 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 38.720.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

12. Ngày 06/05/2019 ông H có mua của bà N 41 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 9.922.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

13. Ngày 12/08/2019 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.100.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

14. Ngày 03/09/2019 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao, Tổng số tiền là 7.770.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

15. Ngày 10/09/2019 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.100.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

16. Ngày 19/09/2019 ông H có mua của bà N 80 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao, 70 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 37.490.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

17. Ngày 28/09/2019 ông H có mua của bà N 160 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao, 40 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 49.080.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

18. Ngày 12/10/2019 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

19. Ngày 22/10/2019 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.200.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

20. Ngày 31/10/2019 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.100.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

21. Ngày 06/11/2019 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao, 20 bao cám 4102 giá 259.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.440.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

22. Ngày 11/11/2019 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4202 giá 242.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 9.680.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

23. Ngày 30/11/2019 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4112 giá 251.000 đồng. Tổng số tiền là 7.530.000 đồng do bà N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

24. Ngày 04/01/2020 ông H có mua của bà N 130 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao, tổng giá là 30.550.000 đồng. Tổng số tiền là 18.565.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

25. Ngày 22/01/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.750.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

26. Ngày 30/01/2020 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 7.050.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

27. Ngày 05/02/2020 ông H có mua của bà N 20 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 5.020.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

28. Ngày 11/02/2020 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 10.040.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

29. Ngày 14/02/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.550.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

30. Ngày 15/02/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.550.000 đồng, do bà N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

31. Ngày 19/02/2020 ông H có mua của bà N 70 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 16.450.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

32. Ngày 24/02/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.750.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

33. Ngày 28/02/2020 ông H có mua của bà N 80 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 18.800.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

34. Ngày 05/03/2020 ông H có mua của bà N 60 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 14.100.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

35. Ngày 07/03/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.750.000 đồng, do Phạm Văn P ký nhận vào sổ giao nhận cám.

36. Ngày 10/03/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.750.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

37. Ngày 12/03/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.750.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

38. Ngày 18/03/2020 ông H có mua của bà N 20 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 4.700.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

39. Ngày 20/03/2020 ông H có mua của bà N 20 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao, 70 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 21.470.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

40. Ngày 21/03/2020 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 7.050.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

41. Ngày 23/03/2020 ông H có mua của bà N 20 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 4.700.000 đồng, do Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

42. Ngày 25/03/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 23.500.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám

43. Ngày 31/03/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 23.500.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

44. Ngày 01/04/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 23.500.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

45. Ngày 13/04/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.500.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

46. Ngày 17/04/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 23.500.000 đồng, do ông H bà N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

47. Ngày 28/04/2020 ông H có mua của bà N 210 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 49.350.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

48. Ngày 19/05/2020 ông H có mua của bà N 260 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 61.000.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

49. Ngày 03/06/2020 ông H có mua của bà N 70 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 16.450.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

50. Ngày 08/06/2020 ông H có mua của bà N 71 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 16.685.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

51. Ngày 11/06/2020 ông H có mua của bà N 80 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 18.800.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

52. Ngày 18/06/2020 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao, 20 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền ghi là 14.420.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

53. Ngày 20/06/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 23.500.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

54. Ngày 15/07/2020 ông H có mua của bà N 47 bao cám 4212 giá 235.000 đồng/bao, 10 bao cám 4112 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.270.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

55. Ngày 27/07/2020 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4102 giá 235.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 7.920.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

56. 31/07/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.350.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

57. Ngày 04/08/2020 ông H có mua của bà N 01 bao cám 2101 giá 280.000 đồng/bao, 04 bao cám 2802 giá 265.000 đồng/bao, 50 bao cám 4102 giá 264.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 14.540.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

58. Ngày 12/08/2020 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4102 giá 264.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 7.920.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

59. Ngày 14/08/2020 ông H có mua của bà N 70 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 17.290.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

60. Ngày 19/08/2020 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao, 20 bao cám 4102 giá 264.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 15.160.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

61. Ngày 21/08/2020 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 9.880.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

62. Ngày 22/08/2020 ông H có mua của bà N 60 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 14.820.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

63. Ngày 24/08/2020 ông H có mua của bà N 30 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 7.530.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

64. Ngày 28/08/2020 ông H có mua của bà N 60 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao, 20 bao cám 4102 giá 264.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 20.100.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

65. Ngày 01/09/2020 ông H có mua của bà N 47 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 11.609.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

66. Ngày 03/09/2020 ông H có mua của bà N 80 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 19.760.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

67. Ngày 07/09/2020 ông H có mua của bà N 40 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 9.880.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

68. Ngày 10/09/2020 ông H có mua của bà N 80 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 19.760.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

69. Ngày 12/09/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.350.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

70. Ngày 14/09/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 24.700.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

71. Ngày 18/09/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.350.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

72. Ngày 21/09/2020 ông H có mua của bà N 120 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 29.640.000 đồng, do bà Phạm Kim P2 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

73. Ngày 29/09/2020 ông H có mua của bà N 100 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao nhưng trả lại 30 bao và lấy 20 bao cám 4102 giá 251.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 22.310.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

74. Ngày 06/10/2020 ông H có mua của bà N 50 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 12.350.000 đồng, do ông H (Phạm Văn P) ký nhận vào sổ giao nhận cám.

75. Ngày 14/11/2020 ông H có mua của bà N 10 bao cám 4102 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 2.640.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

76. Ngày 25/11/2020 ông H có mua của bà N 70 bao cám 4202 giá 247.000 đồng/bao. Tổng số tiền là 17.290.000 đồng, do bà Phạm Kim N1 ký nhận vào sổ giao nhận cám.

Tổng số tiền ông H đã mua cám của bà N từ ngày 08/12/2018 đến ngày 25/11/2020 là 1.315.850.000 đồng. Tổng số tiền mà bà N đã giảm cho ông H: 10.200.000 đồng. Vậy số tiền ông H mua cám thực tế của bà N là: 1.305.650.000 đồng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện tháng 05/2023 bà N gửi đến tòa án nhân dân huyện D, căn cứ vào văn bản trình bày ngày 05/07/2023 bà N có ký tên nộp cho tòa, căn cứ vào văn bản trình bày ngày 19/10/2023 ông Đặng Văn T, là đại diện theo ủy quyền cho bà N có ký tên nộp cho tòa thể hiện hai nội dung chính sau:

Thứ nhất, tổng số tiền mà bà N đã thừa nhận có nhận của ông Phạm Hồng H từ việc bán cám là: 1.534.695.000 đồng. Bà N, ông T trình bày cụ thể như sau:

STT	Ngày, tháng, năm trả tiền	Số tiền trả
1	31/01/2019	167.695.000 đồng
2	31/05/2019	112.000.000 đồng
3	16/11/2019	225.000.000 đồng
4	30/01/2020	195.000.000 đồng
5	30/05/2020	110.000.000 đồng
6	30/06/2020	50.000.000 đồng
7	31/07/2020	170.000.000 đồng
8	09/2020	60.000.000 đồng
9	10/2020	130.000.000 đồng
10	11/2020	65.000.000 đồng
11	03/12/2020 đến ngày 29/04/2021	250.000.000 đồng
Tổng số tiền bà N thừa nhận ông H đã thanh toán		1.534.695.000 đồng

Thứ hai, tổng số tiền mà bà N cho rằng ông H còn thiếu là 512.923.000 đồng.

Tuy nhiên, tại văn bản trình bày ngày 18/09/2024 bà N đã trình bày mâu thuẫn với những lời trình bày trước cụ thể đã giảm số tiền mà ông H đã thanh toán cho bà N cụ thể như sau:

STT	Ngày, tháng, năm trả tiền	Số tiền trả	Số tiền giảm so với đơn khởi kiện, văn bản trình bày ngày 05/07/2023 và ngày 19/10/2023
-----	---------------------------	-------------	---

1	31/01/2019	159.276.000 đồng	8.419.000 đồng
2	31/05/2019	112.000.000 đồng	
3	16/11/2019	175.000.000 đồng	50.000.000 đồng
4	30/01/2020	75.000.000 đồng	120.000.000 đồng
5	30/05/2020	110.000.000 đồng	
6	30/06/2020	50.000.000 đồng	
7	31/07/2020	170.000.000 đồng	
8	09/2020	30.000.000 đồng	30.000.000 đồng
9	10/2020	130.000.000 đồng	
10	11/2020	65.000.000 đồng	
11	03/12/2020 đến ngày 29/04/2021	115.000.000 đồng	135.000.000 đồng
Tổng tiền		1.191.276.000 đồng	343.419.000 đồng

Từ các phân tích trên rõ ràng lời trình bày của bà N trực sau điều mâu thuẫn, chứng cứ bà N cùng cấp cho tòa là không khách quan.

Căn cứ lời thừa nhận của bà N tại đơn khởi kiện và văn bản trình bày ngày 05/07/2023 bà N có ký tên nộp cho tòa, căn cứ vào văn bản trình bày ngày 19/10/2023 ông Đặng Văn T thể hiện số tiền đã nhận của ông H là: 1.534.695.000 đồng. Đây là sự thật của vụ án.

Căn cứ vào sổ ghi cầm thể hiện từ ngày: 08/12/2018 đến ngày 25/11/2020 tại bản tự khai trước đó ông H đã nộp cho tòa án thể hiện số tiền ông H đã mua cầm thể hiện tại sổ cầm là: 1.325.530.000 đồng (Ngoài ra có nhiều ngày ông H không thừa nhận là chữ ký của mình, do thời gian lâu không nhớ rõ).

Sau khi có Kết luận giám định số 28887/KL-KTHS ngày 26/08/2024 số tiền mua cầm ông H phải nhận thêm cụ thể là:

STT	Ngày, tháng, năm mua cầm	Số tiền
1	19/10/2019	19.360.000 đồng
2	27/06/2020	13.165.000 đồng
3	01/07/2020 (thừa nhận 15 bao, 60 bao không ký xác nhận nên không thừa nhận)	3.765.000 đồng
4	09/07/2020	14.100.000 đồng
5	20/07/2020 (thừa nhận 40 bao, còn 10 bao không thừa nhận)	9.880.000 đồng
6	25/09/2020	22.230.000 đồng
7	27/10/2020 (30 bao)	7.410.000 đồng

Tổng tiền	89.910.000 đồng
------------------	------------------------

Ngoài ra ông H thừa nhận thêm việc bà N1 có nhận của ông H cụ thể là:

STT	Ngày bà N1 nhận cám thay	Số tiền
1	08/12/2018 (loại cám 4102)	12.100.000 đồng
2	15/12/2018 (loại cám 4202)	10.890.000 đồng
3	02/02/2019 (nhận 50 bao)	12.950.000 đồng
4	10/03/2020	11.750.000 đồng
5	14/11/2020	7.580.000 đồng
6	25/11/2020	17.290.000 đồng
Tổng tiền		72.560.000 đồng

Tổng số tiền ông H nhận thêm là: 162.470.000 đồng

Vậy tổng số tiền mua cám ban đầu và số tiền nhận thêm sau khi giám định là: 1.325.530.000 đồng + 162.470.000 đồng = 1.488.000.000 đồng.

Qua thống kê này số tiền này hoàn toàn khớp với số tiền mà bà N đã thừa nhận tại các bản tự khai trước đó. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 trình bày: Bà N1 xin vắng mặt và có trình bày về có đứng ra ký nhận cám thay ông H được thể hiện trong sổ cám do nguyên đơn cung cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 24/6/2025, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ N đối với bị đơn Ông Phạm Hồng H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc Ông Phạm Hồng H có trách nhiệm thanh toán cho Bà Trần Thị Mỹ N tổng số tiền nợ là 476.484.000 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị Mỹ N đối với số tiền 33.501.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm lẻ một ngàn đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu của bà N đối với số tiền 32.938.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/6/2025 bị đơn ông Phạm Hồng H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền của bị đơn. Bị đơn trình bày rằng đã giao nhận tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh, qua kết quả hai lần giám định thì đã có chứng cứ chứng minh bị đơn đã mua cám của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng H là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng, bà Phạm Kim N1 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H trả số tiền cám còn nợ là 509.985.000 đồng, đối với số tiền còn lại và số tiền lãi thì nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết, và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Căn cứ theo Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án bao gồm sổ giao nhận cám, sự thừa nhận của các bên, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá là cám chăn nuôi gia súc. Trong đó, nguyên

đơn là bên bán và bị đơn là bên mua. Số lượng hàng hoá và đơn giá được thể hiện trong sổ giao nhận và hoá đơn. Đơn giá cám đã được các bên thừa nhận trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm. Đối với số lượng cám đã ký nhận trong sổ cám, các bên không thống nhất tại một số vị trí ký nhận tại sổ cám.

[2.2.1] Xét thấy, nguyên đơn xác định tổng giá trị cám mà nguyên đơn đã bán và bị đơn đã mua từ nguyên đơn là 1.829.481.000 đồng. Trong đó, nguyên đơn thừa nhận rằng bị đơn đã thanh toán số tiền 1.231.276.000 đồng. Căn cứ theo Kết luận giám định số 736/KL-KTHS(TL) ngày 28/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương (bút lục 216A-216B) và Kết luận giám định số 2887/KL-KTHS(TL) ngày 26/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương (bút lục 168-169), việc giám định không có kết quả đối với mục ký nhận đối với số cám có tổng giá trị là 105.956.000 đồng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án tiếp tục trưng cầu giám định. Bị đơn cũng không thừa nhận đã mua và nhận cám vào các ngày 02/01/2019 (24.200.000 đồng), ngày 07/10/2019 (17.666.000 đồng), ngày 23/11/2019 (7.050.000 đồng), ngày 16/12/2019 (2.510.000 đồng), ngày 11/01/2020 (16.450.000 đồng), ngày 17/01/2020 (11.750.000 đồng), ngày 01/02/2020 (7.530.000 đồng), ngày 14/3/2020 (18.800.000 đồng), tổng số tiền là 105.956.000 đồng. Do đó, không có căn cứ xác định bị đơn đã mua cám với số tiền 105.956.000 đồng (nằm trong số tiền cám 1.829.481.000 đồng nguyên đơn đã nêu) và cần khấu trừ khi xem xét nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

[2.2.2] Tại Văn bản trình bày (bút lục 115-116), bà N trình bày ngày 31/01/2019 ông H đã thanh toán cho bà số tiền 159.276.000 đồng bằng tiền mặt. Tuy nhiên, tại Văn bản trình bày (bút lục 54-56), bà N thừa nhận ngày 31/01/2019 ông H đã thanh toán cho bà số tiền 167.695.000 đồng. Xét thấy, theo Hoá đơn bán lẻ ngày 31/01/2019 do chính bà N lập cũng ghi nhận "*Họ tên người mua hàng: Anh P chị N1... 31/1 Trả 167.695.000 đồng*" và có chữ ký xác nhận của bà N. Do đó, cần phải khấu trừ số tiền chênh lệch là 167.695.000 đồng - 159.276.000 đồng = 8.419.000 đồng (Tám triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) vào tổng số tiền mà ông H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

[2.2.3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp chứng từ về việc thanh toán số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/4/2022 cho bà N thông qua Ngân hàng TMCP T (S) với nội dung "tien cam ngoc" và mã tham chiếu là 306047998. Do đó, có căn cứ để khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào tổng số tiền mà ông H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

[2.3] Dựa vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

- Số tiền bị đơn đã mua cám của nguyên đơn là 1.714.760.000 đồng, gồm: số tiền 1.351.430.000 đồng bị đơn thừa nhận, số tiền 20.000.000 đồng thừa nhận của Bà N1, 223.330.000 đồng từ các mục giám định ra, số tiền 120.000.000 đồng các mục ký nhận bị đơn chỉ thừa nhận 01 loại cám. Số tiền 105.956.000 đồng được ghi nhận theo sổ cám nhưng bị đơn không thừa nhận và kết quả không giám định được nên không tính vào số tiền này.

- Số tiền được khấu trừ là 1.261.695.000 đồng, gồm: số tiền 1.231.276.000 đồng mà nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn, số tiền 7.000.000 đồng tiền vấp xin nguyên đơn thừa nhận khấu trừ thêm cho bị đơn, số tiền 8.419.000 đồng chênh lệch do sai sót khi tính toán tại cấp sơ thẩm, số tiền 15.000.000 đồng mà bị đơn đã cung cấp tài liệu bổ sung về việc thanh toán.

Như vậy, tổng số tiền có tài liệu, chứng cứ chứng minh mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 453.065.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu sáu mươi lăm nghìn đồng).

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày rằng khi bị đơn mua cám đợt nào thì đã hoàn tất thanh toán ngay đợt đó, nếu không thanh toán thì nguyên đơn đã không giao cám. Tuy nhiên, việc thanh toán thì không có hóa đơn hay phiếu biên nhận mà chỉ ghi nhận việc mua bán tại sổ cám tại cơ sở bán cám của bà N, nhưng bị đơn chỉ cung cấp việc thanh toán số tiền 15.000.000 đồng ngày 12/4/2022 cho nguyên đơn thông qua Ngân hàng TMCP T (S) và số tiền chênh lệch 8.419.000 đồng do sai sót khi tính toán tại cấp sơ thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[3] Từ những phân tích trên, bị đơn ông Phạm Hồng H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chỉ cung cấp được chứng cứ về việc thanh toán thêm số tiền 15.000.000 đồng. Ngoài ra, xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và các văn bản trình bày của nguyên đơn, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông H về việc giảm trừ các khoản tiền mà ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà N do sai sót khi tính toán tại cấp sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Hồng H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2025/DS-ST ngày 24/6/2025, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ N đối với bị đơn Ông Phạm Hồng H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc ông Phạm Hồng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ N tổng số tiền nợ là 453.065.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu sáu mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ N đối với số tiền 56.920.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

2.3. Đình chỉ yêu cầu của bà N đối với số tiền 32.938.000 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

2.4. Chi phí giám định: Bị đơn phải chịu chi phí giám định là 7.280.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) nộp hoàn trả cho nguyên đơn.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.5.1. Ông Phạm Hồng H phải chịu 22.122.600 (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

2.5.2. Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 2.846.000 đồng (Hai triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 13.008.460 đồng (Mười ba triệu không trăm lẻ tám nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo hai Biên lai thu số AA/2021/0011699 ngày 04/5/2023 và 0002624 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi khấu trừ, hoàn trả cho bà N số tiền 10.162.460 đồng (Mười triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

2.6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Hồng H không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Giấy nộp tiền mặt ngày 01/07/2025 và Phiếu hạch toán nộp tiền mặt số 43001 ngày 01/7/2025 tại Phòng Giao dịch D – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực A – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực A – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (14).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng